HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2022/NQ-HĐND	*An Giang, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ VII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trên địa bàn tỉnh An Giang bao gồm: kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia; các kỳ thi, hội thi, cuộc thi do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện,

thị xã, thành phố và các trường tổ chức; các kỳ thi, hội thi, cuộc thi khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và học sinh các đội tuyển dự thi cấp quốc gia được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

2. Việc lập, thanh quyết toán kinh phí tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

Điều 3. Quy định cụ thể nội dung, mức chi các kỳ thi, hội thi, cuộc thi quy định tại Nghị quyết này

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi quy định tại Nghị quyết này và học sinh các đội tuyển dự thi cấp quốc gia thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly, các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi quy định tại Nghị quyết này và giáo viên, học sinh các đội tuyển cấp tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi cấp quốc gia thực hiện nội dung chi và mức chi theo Phụ lục I, Phụ lục II.

3. Chi tiền công cho các chức danh thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi quy định tại Nghị quyết này do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện theo Phụ lục I, Phụ lục II.

4. Các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

5. Chi tiền công cho các chức danh thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi quy định tại Nghị quyết này do các huyện, thị xã, thành phố tổ chức, thực hiện mức chi tối đa không quá 80% theo Phụ lục II.

6. Chi tiền công cho các chức danh thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi quy định tại Nghị quyết này do trường tổ chức, thực hiện mức chi tối đa không quá 50% theo Phụ lục II.

7. Các nội dung chi và mức chi này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ hưởng một mức thù lao cao nhất.

8. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu để áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X, Kỳ họp thứ VII thông qua ngày ..... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày .... tháng …. năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022)

Phụ lục I

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO THUỘC PHẠM VI CẤP QUỐC GIA

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
I	**Ban chỉ đạo**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	500	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	400	
II	**Hội đồng thi**			
1	Chủ tịch	Người/ngày	500	
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	450	
3	Ủy viên thường trực	Người/ngày	400	
III	**Ban thư ký Hội đồng thi**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
3	Ủy viên	Người/ngày	350	
IV	**Hội đồng/ Ban ra đề và Hội đồng/ Ban sao in đề**			
1	Trưởng Ban/ Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	500	
2	Phó Trưởng ban/ Phó chủ tịch hội đồng thường trực	Người/ngày	480	
3	Phó Trưởng ban/ Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	450	
4	Ủy viên, thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	380	
5	Ủy viên, thư ký, công an		350	
6	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	250	
7	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	200	
8	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày		
8.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	220	
8.2	- Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	150	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
9	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày		
9.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	50	
9.1	- Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	30	
V	**Tiền công ra đề thi**			
1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	450	
1.2	Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	Người/ngày	400	
1.3	Ủy viên, Thư ký		350	
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận	Đề	600	
3	Tiền công ra đề và phản biện đề thi chính thức	Người/ngày		1 bộ đề gồm đề thi dự bị, đề thi chính thức kèm đáp án và biểu điểm
3.1	Trắc nghiệm	Người/ngày	400	
3.2	Tự luận, trắc nghiệm kết hợp với tự luận	Người/ngày	600	
VI	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**			
1	**Hội đồng/ Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi**			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	450	
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban		400	
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	350	
2	**Tiền công đối với câu hỏi**			
2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	25	
2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	20	
2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	18	
2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	10	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	4	
3	**Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm**			
3.1	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	450	
3.2	Phó Chủ tịch/ PhóTrưởng ban	Người/ngày	400	
3.3	Thành viên	Người/ngày	350	
VII	**Ban/ Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
3	Ủy viên, Công an, Giám sát	Người/ngày	350	
4	Tài xế (phục vụ)	Người/ngày	200	
VIII	**Hội đồng/ Ban coi thi**			
1	Trưởng ban	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350	
4	Trưởng điểm, Phó trưởng điểm (trực 24h/24h)	Người/ngày	400	
5	Phó Trưởng điểm	Người/ngày	380	
6	Thư ký, Cán bộ coi thi, cán bộ Giám sát, kỹ thuật viên, Công an (bảo vệ đề thi, bài thi 24h/24h)	Người/ngày	350	
7	Bảo vệ, Nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài, trật tự viên	Người/ngày	200	
IX	**Ban làm phách**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	500	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
3	Ủy viên, Thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	350	
4	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	230	
5	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	200	
6	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
6.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	220	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
6.2	- Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	150	
7	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
7.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	50	
7.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	30	
X	**Hội đồng/ Ban chấm thi tự luận, trắc nghiệm, phúc khảo, thẩm định bài thi)**			
1	Trưởng ban	Người/ngày	500	
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	450	
3	Ủy viên, thư ký, Tổ trưởng, Tổ phó, Giám sát, Kỹ thuật viên, công an bảo vệ bài thi (vòng trong)	Người/ngày	350	
4	Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
5	Tiền công chấm bài	Người/ngày	400	
6	Tiền công chấm phúc khảo bài thi	Người/ngày	350	
7	Tiền công cho các tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	300	
XI	**Chi cho công tác thanh tra, trước, trong và sau khi thi**			
1	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	450	
2	Phó trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên độc lập, Trưởng đoàn kiểm tra	Người/ngày	400	
3	Đoàn viên thanh tra, kiểm tra	Người/ngày	350	
XII	**Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, kiểm tra chéo hồ sơ**			
1	Chủ tịch	Người/ngày	450	
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	400	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350	
XIII	**Ban phục vụ**			
1	Trưởng ban	Người/ngày	400	
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	350	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300	
XIV	**Xử lý dữ liệu kỳ thi và xử lý kết quả thi**			
1	Nhập và xử lý dữ liệu kỳ thi, chạy thử nghiệm phần mềm	hồ sơ	4	
2	Xử lý kết quả thi, in giấy chứng nhận kết quả	hồ sơ	4	
XV	**Hoàn thiện bằng tốt nghiệp**	**cái**	3	
1	In bằng/ bản sao		1	
2	Kiểm tra, đóng dấu		1	
3	Ký tên		1	
XVI	**Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; giáo viên, học sinh các đội tuyển cấp tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi cấp quốc gia**			
1	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	20	
2	Tiền ăn giữa giờ	Người/ngày	45	

Phụ lục II

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, HỘI THI, CUỘC THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO THUỘC PHẠM VI CẤP TỈNH

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
I	**Ban chỉ đạo/ Ban tuyển sinh vào lớp 10/ Hội đồng thi/ Ban tổ chức kỳ thi chọn Học sinh giỏi các môn văn hóa**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	
3	Ủy viên , Thư ký	Người/ngày	320	
II	**Ban thư ký Hội đồng thi**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	360	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	
3	Ủy viên	Người/ngày	280	
III	**Hội đồng/ Ban ra đề và Hội đồng/Ban sao in đề thi**			
1	Trưởng Ban/ Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng ban/ Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	380	
3	Ủy viên, thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	350	
4	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300	
5	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	200	
6	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	160	
7	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày	-	
7.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	220	
7.2	- Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	150	
8	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày	-	
8.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	50	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
8.2	- Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	30	
IV	**Tiền công ra đề thi**			
1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	360	
1.2	Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	Người/ngày	320	
1.3	Ủy viên, Thư ký		280	
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận	đề	480	
3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm (Cán bộ ra đề và phản biện)			
3.1	Trắc nghiệm	Người/ngày	320	
3.2	Tự luận, trắc nghiệm kết hợp với tự luận	Người/ngày	480	
V	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**			
1	**Hội đồng/ Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi**			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	360	
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	280	
2	**Tiền công đối với câu hỏi**			
2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	20	
2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	16	
2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	15	
2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	8	
2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	3	
3	**Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm**			
3.1	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	360	
3.2	Phó Chủ tịch/ PhóTrưởng ban	Người/ngày	320	
3.3	Thành viên	Người/ngày	280	
VI	**Ban/ Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi**			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
1	Trưởng Ban	Người/ngày	360	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	
3	Ủy viên, Công an, Giám sát	Người/ngày	280	
4	Tài xế (phục vụ)	Người/ngày	160	
VII	**Hội đồng/ Ban coi thi**			
1	Trưởng ban/ Trưởng điểm, Phó trưởng điểm (trực 24h/24h)	Người/ngày	360	
2	Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng điểm	Người/ngày	320	
3	Ủy viên, Thư ký, Cán bộ coi thi, cán bộ Giám sát, kỹ thuật viên, Công an bảo vệ đề thi (24h/24h)	Người/ngày	280	
4	Bảo vệ, Nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài, trật tự viên	Người/ngày	160	
VIII	**Ban làm phách**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	
3	Ủy viên, Thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	280	
4	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	180	
5	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	160	
6	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
6.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	220	
6.2	- Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	150	
7	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
7.1	- Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	50	
7.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	30	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
IX	**Hội đồng/ Ban chấm thi tự luận, trắc nghiệm, phúc khảo, thẩm định bài thi)**			
1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	
2	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	360	
3	Ủy viên, thư ký, Tổ trưởng, Tổ phó, Giám sát, Kỹ thuật viên, công an bảo vệ bài thi (vòng trong)	Người/ngày	280	
4	Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	160	
5	Tiền công chấm bài tự luận, phúc khảo, thẩm định	Người/ngày		
5.1	Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10	Người/ngày	320	
5.2	Kỳ thi chọn học sinh giỏi trung học cơ sở, bài thi các môn chuyên của kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10	Người/ngày	450	
5.3	Kỳ thi chọn học sinh giỏi trung học phổ thông	Người/ngày	500	
5.4	Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	650	
5.5	Chấm phúc khảo bài thi	Người/ngày	280	
6	Tiền công cho các tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	240	
X	**Chi cho công tác thanh tra, trước, trong và sau khi thi**			
1	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	360	
2	Phó trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên độc lập, Trưởng đoàn kiểm tra	Người/ngày	320	
3	Đoàn viên thanh tra, kiểm tra	Người/ngày	280	
XI	**Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THCS, kiểm tra chéo hồ sơ, xét duyệt kết quả tuyển sinh lớp đầu cấp, kỳ thi chọn học sinh giỏi, kiểm tra chéo hồ sơ thi.**			
1	Chủ tịch	Người/ngày	360	
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	320	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	280	
XII	**Ban phục vụ**			
1	Trưởng ban	Người/ngày	320	
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	280	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	240	
XIII	**Xử lý dữ liệu kỳ thi và xử lý kết quả thi**			
1	Thu, kiểm tra hồ, sơ nhập dữ liệu	hồ sơ	4	
2	Xử lý dữ liệu kỳ thi	hồ sơ	4	
XIV	**Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi**			
1	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	20	
2	Tiền ăn giữa giờ	Người/ngày	45	